TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1273/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lộc;

Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 486/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 687/2024/QĐXXST–DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 507/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q
Địa chỉ: Tòa nhà S, Số A, phường B, Quận n, Thành phố H.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm X T, sinh năm 19xx (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn X H, sinh năm: 19xx (Vắng mặt).
Địa chỉ: h , phường B, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi tắt là V) đã ký với ông Nguyễn X H các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 2026118.xx ngày 01/7/2021;

Nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho ông Nguyễn X H vay

số tiền 1.129.000.000 đồng; Mục đích vay: bù đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay: 360 tháng; Gốc, lãi: trả hàng tháng. Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận lãi suất, phí ... Ngày 08/7/2021, V đã giải ngân cho ông Nguyễn X H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2026118(1).21 với số tiền 1.129.000.000 đồng.

Số tiền trên được giải ngân phong tỏa vào tài khoản số: 905391379, chủ tài khoản: Nguyễn Đ S , mở tại ngân hàng V. V sẽ tạm khóa số tiền trên và chỉ mở tạm khóa sau khi: ông Nguyễn X H hoàn tất việc nhận chuyển nhượng và thế chấp tài sản bảo đảm bất động sản tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 58, thôn T, xã B, huyện P, tỉnh B từ ông Nguyễn Đ S . Do ông Nguyễn X H không hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng bất động sản trên nên không thể hoàn tất thủ tục thế chấp tài sản bảo đảm tại V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn X H đã vi phạm hợp đồng không thanh toán đầy đủ gốc và và lãi theo thỏa thuận. Khoản vay của khách hàng đã quá hạn thanh toán từ ngày 16/10/2022. Đến ngày 22/3/2023 thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại 1.112.370.000 đồng của ông Nguyễn X H đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngày 29/3/2023 V trích thu số tiền đã giải ngân phong tỏa trong tài khoản số: 905391379, chủ tài khoản: Nguyễn Đ S trên để xử lý toàn bộ nợ gốc: 1.112.370.000 đồng và trả nợ lãi: 16.630.000 đồng. Tính đến ngày 29/3/2023, số dư nợ gốc của ông Nguyễn X H là 0 đồng.

Về nợ lãi: do ông Nguyễn X H vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên V căn cứ thỏa thuận tại khoản 2.6 Khế ước nhận nợ số 2026118(1).21, khoản 1.4.6 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng tín dụng yêu cầu ông Nguyễn X H trả lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc trong hạn từ ngày 08/7/2021 cho đến ngày 21/3/2023 (ngày V ra thông báo chuyển nợ quá hạn), lãi quá hạn, lãi chậm trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2024 ông H còn nợ tổng số nợ gốc và lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2026118.21 ngày 01/7/2021 là: 79.618.404 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 61.961.392 đồng, lãi quá hạn: 6.564.259 đồng, lãi chậm trả: 11.092.753 đồng.

2. Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021;

Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021, V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Xuân Huy, chi tiết như sau:

2.1. Thẻ tín dụng số tài khoản: 000000000477xxxx :

Số tài khoản thẻ: 000000000477xxxx ; Số thẻ: 513892xxxx0236; Loại thẻ: V Cash Back; Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Sau đó, V nâng hạn mức thẻ lên 70.000.000 đồng); Lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn X H đã trả cho V số tiền là 247.097.083 đồng. Kỳ sao kê tháng 09/2022, ông Nguyễn X H có dư nợ cuối kỳ là 74.036.406 đồng, trong đó nợ gốc là 69.901.000 đồng (nợ gốc phát sinh là 230.325.489 đồng, ông Nguyễn X H đã trả là 160.424.489 đồng) và đã không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu là 7.536.406 đồng do đó đã vi phạm nội

dung thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Khoản vay của khách hàng đã quá hạn thanh toán từ ngày 05/10/2022 và V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ.

Căn cứ Điều 10.2 Biểu phí và điều kiện đính kèm Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021, số tiền lãi quá hạn phát sinh là 36.345.926 đồng, ông Nguyễn X H đã thanh toán số tiền là 14.667.422 đồng, dư nợ còn lại là 21.678.504 đồng.

Căn cứ Điều 10.1 Biểu phí và điều kiện đính kèm Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021, số tiền phí phát sinh là 37.693.291 đồng, ông Nguyễn X H đã thanh toán số tiền là 14.162.122 đồng, dư nợ còn lại là 23.531.169 đồng.

Tính đến ngày 27/9/2024 tổng số nợ gốc và lãi của khoản tín dụng thẻ số: 000000000477xxxx là 115.110.673 đồng.

2.2. Thẻ tín dụng số tài khoản: 000000000477xxxx

Số tài khoản thẻ: 000000000477xxxx ; Số thẻ: 526887xxxx3264; Loại thẻ: V Online Plus (Platinum); Hạn mức thẻ: 70.000.000 đồng; Lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn X H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền là 456.450.525 đồng. Kỳ sao kê tháng 09/2022, ông Nguyễn X H có dư nợ cuối kỳ là 73.458.530 đồng, trong đó nợ gốc là 69.975.111 đồng (nợ gốc phát sinh là 405.568.957 đồng, ông Nguyễn X H đã trả là 335.593.846 đồng) và đã không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu là 6.958.530 đồng do đó đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Khoản vay của khách hàng đã quá hạn thanh toán từ ngày 10/10/2022 và V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ.

Căn cứ Điều 10.2 Biểu phí và điều kiện đính kèm Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021, số tiền lãi quá hạn phát sinh là 40.733.924 đồng, ông Nguyễn X H đã thanh toán số tiền là 20.060.591 đồng, dư nợ còn lại là 20.673.333 đồng.

Căn cứ Điều 10.1 Biểu phí và điều kiện đính kèm Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021, số tiền phí phát sinh là 29.658.847 đồng, ông Nguyễn X H đã thanh toán số tiền là 9.762.538 đồng, dư nợ còn lại là 19.896.309 đồng.

Tính đến ngày 27/9/2024 tổng số nợ gốc và lãi của khoản tín dụng thẻ số: 000000000477xxxx là 110.544.753 đồng.

Do ông Nguyễn X H đã vi phạm hợp đồng nên V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn X H thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 305.273.830 đồng, trong đó: nợ gốc là 139.876.111 đồng, lãi trong hạn là 104.313.229đồng, lãi quá hạn: 6.564.259 đồng, lãi chậm trả lãi: 11.092.753 đồng, phí: 43.427.478 đồng. Yêu cầu trả một lần toàn bộ các khoản nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn X H còn phải tiếp tục chịu lãi, phí kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi ông Nguyễn X H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số

2026118.21 ngày 01/7/2021; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2026118(1).21 ngày 08/7/2021; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021.

Án phí sơ thẩm: Ông Phạm X L phải chịu theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn X H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và công khai chứng cứ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn ông Nguyễn X H vắng mặt không lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, Thông báo tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, quá trình giao dịch qua tài khoản thẻ của ông H có cơ sở xác định ông H có vay và còn nợ nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đúng như nguyên đơn yêu cầu. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh trên, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn X H có địa chỉ cư trú tại quận Bình Tân, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại Khoản 3 Điều 26. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn X H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không tham gia cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu ông Nguyễn X H phải trả số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 305.273.830 đồng, bao gồm gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng do hai bên ký kết. Yêu cầu trả một lần toàn bộ khoản nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn X H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, nhưng quá trình giải quyết vụ án ông vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa, ông cũng không gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và do Ngân hàng cung cấp thì V đã ký với ông Nguyễn X H các Hợp đồng tín dụng và quá trình thực hiện hợp đồng như sau:

[2.1]. Hợp đồng tín dụng số 2026118.21 ngày 01/7/2021: số tiền vay là 1.129.000.000 đồng; Mục đích vay: bù đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay: 360 tháng; Gốc, lãi: trả hàng tháng. Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận lãi suất, phí ... Ngày 08/7/2021, V đã giải ngân cho ông Nguyễn X H theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2026118(1).21 với số tiền 1.129.000.000 đồng. Số tiền trên được giải ngân và phong tỏa vào tài khoản số: 905391379, chủ tài khoản: Nguyễn Đ S , mở tại ngân hàng V; Mục đích: nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 58, thôn T, xã B, huyện P, tỉnh B.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn X H đã vi phạm hợp đồng không thanh toán đầy đủ gốc và lãi theo thỏa thuận. Khoản vay của khách hàng đã quá hạn thanh toán. Đến ngày 22/3/2023 thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại 1.112.370.000 đồng của ông Nguyễn X H đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc trên sang nợ quá hạn. Ngày 29/3/2023, V trích thu số tiền đã giải ngân phong tỏa trong tài khoản số: 905391379, chủ tài khoản: Nguyễn Đ S , mở tại ngân hàng V Chi nhánh Gò Vấp để xử lý nợ. Số tiền 1.129.000.000 đồng được hạch toán thu nợ như sau: trả nợ gốc: 1.112.370.000 đồng, trả nợ lãi: 16.630.000 đồng. Như vậy, đến ngày 29/3/2023 thì số dư nợ gốc của ông Nguyễn X H là 0 đồng.

Do ông Nguyễn X H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên V căn cứ quy định tại mục 1.4.6 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng tín dụng và mục 2.6 Khế ước nhận nợ số 2026118(1).21, yêu cầu ông Nguyễn X H phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi trong hạn là có cơ sở chấp nhận.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2024 ông Nguyễn X H còn nợ tổng tiền lãi của khoản vay Hợp đồng tín dụng số 2026118.21 ngày 01/7/2021 là: 79.618.404 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 61.961.392 đồng, lãi quá hạn: 6.564.259 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn: 11.092.753 đồng.

[2.2]. Đối với đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021.

Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021, V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Xuân Huy. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện giao dịch như sau:

[2.2.1]. Thẻ tín dụng số tài khoản: 000000000477xxxx :

Số tài khoản thẻ: 000000000477xxxx ; Số thẻ: 513892xxxx0236; Loại thẻ: V Cash Back; Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Sau đó, V nâng hạn mức thẻ lên 70.000.000 đồng); Lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ V.

Quá trình thực hiện hợp đồng thể hiện ông Nguyễn X H đã trả cho V số tiền là 247.097.083 đồng. Kỳ sao kê tháng 09/2022, ông Nguyễn X H có dư nợ cuối kỳ là 74.036.406 đồng, trong đó nợ gốc là 69.901.000 đồng (nợ gốc phát sinh là 230.325.489 đồng, ông Nguyễn X H đã trả là 160.424.489 đồng) nhưng ông H đã không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu, do đó đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký nên khoản vay của ông đã quá hạn thanh toán và V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ. V căn cứ Điều 10.1, Điều 10.2 Biểu phí và điều kiện đính kèm Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021 yêu cầu ông H phải chịu lãi, phí phát sinh. Tính đến ngày 27/9/2024 tổng số nợ gốc và lãi của khoản tín dụng thẻ số: 000000000477xxxx là 115.110.673 đồng.

[2.2.2]. Thẻ tín dụng số tài khoản: 000000000477xxxx :

Số tài khoản thẻ: 000000000477xxxx ; Số thẻ: 526887xxxx3264; Loại thẻ: V Online Plus (Platinum); Hạn mức thẻ: 70.000.000 đồng; Lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn X H đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền là 456.450.525 đồng. Kỳ sao kê tháng 09/2022, ông Nguyễn X H có dư nợ cuối kỳ là 73.458.530 đồng, trong đó nợ gốc là 69.975.111 đồng (nợ gốc phát sinh là 405.568.957 đồng, ông Nguyễn X H đã trả là 335.593.846 đồng) nhưng ông H đã không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu, do đó đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký nên khoản vay của ông đã quá hạn thanh toán và V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ. V căn cứ Điều 10.1, Điều 10.2 Biểu phí và điều kiện đính kèm Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021 yêu cầu ông H phải chịu lãi, phí phát sinh. Tính đến ngày 27/9/2024 tổng số nợ gốc và lãi của khoản tín dụng thẻ số: 000000000477xxxx là 110.544.753 đồng.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q buộc ông Nguyễn X H thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 305.273.830

đồng, trong đó: nợ gốc là 139.876.111 đồng, lãi trong hạn là 104.313.229đồng, lãi quá hạn: 6.564.259 đồng, lãi chậm trả lãi: 11.092.753 đồng, phí: 43.427.478 đồng. Yêu cầu trả một lần toàn bộ các khoản nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn X H phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh của số tiền gốc, tiền lãi chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2026118.21 ngày 01/7/2021; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2026118(1).21 ngày 08/7/2021; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021.

[3]. Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn X H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho V tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 1, Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn X H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2024) tổng số tiền là 305.273.830đ (Ba trăm lẻ năm triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi đồng), trong đó: nợ gốc là 139.876.111 đồng, lãi trong hạn là 104.313.229 đồng, lãi quá hạn: 6.564.259 đồng, lãi chậm trả: 11.092.753 đồng, phí: 43.427.478 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2026118.21 ngày 01/7/2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn X H phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh của số tiền gốc, tiền lãi chưa thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2026118.21 ngày 01/7/2021; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2026118(1).21 ngày 08/7/2021; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/6/2021.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí: Ông Nguyễn X H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.263.692đ (Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.424.742đ (Bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu số 00266360012229 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.Bình Tân;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hạnh